

**Tuần: 1**

**Ngày soạn: 01/09/2024**

**PPCT: 01, 02**

## **PHẦN 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI**

### **Bài 1. SỰ KHÁC BIỆT VỀ TRÌNH ĐỘ**

### **PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC**

**(02 tiết)**

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Kiến thức**

- Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI người), cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người (HDI).
- Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.
- Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về kinh tế – xã hội của các nhóm nước.
- Thu thập được tư liệu về kinh tế – xã hội của một số nước từ các nguồn khác nhau.

### **2. Năng lực**

#### **\*. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ học tập như khai thác hình ảnh, video để trả lời câu hỏi. Biết lưu giữ thông tin, chủ động ghi chép lại những nội dung chính của bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự giác để thảo luận với HS khác về nhiệm vụ học tập được giao đồng thời đánh giá, nhận xét được kết quả học tập của HS khác. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp để báo cáo kết quả học tập.

#### **\*. Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học địa lí:

+ Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI người), cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người (HDI).

+ Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.

- Tìm hiểu địa lí:

+ Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về kinh tế – xã hội của các nhóm nước.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

Thu thập được tư liệu về kinh tế – xã hội của một số nước từ các nguồn khác nhau.

### **3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, tự giác hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên

- Hình 1 sách giáo khoa phóng to.
- Bản đồ các nước trên thế giới.
- Bảng 1.1; 1.2; 1.3 trong sách giáo khoa.
- Các video, hình ảnh, số liệu thống kê về sự tương phản của các nhóm nước.
- Phiếu học tập.

### 2. Học sinh

- Đọc bài ở nhà,
- Giấy nhớ

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### Hoạt động 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu




(Cá nhân/5 phút)

#### a) Mục tiêu

- Kiến thức: Tạo hứng thú cho Hs khi bước vào bài học.
- Kỹ năng: phân tích khai thác thông tin, dữ liệu từ truyền thông.

#### b) Nội dung: HS thảo luận hoàn thành phiếu học tập


#### c) Sản phẩm:

				
<b>Ấn Độ</b>	<b>Hoa Kỳ</b>	<b>Trung Quốc</b>	<b>Brazil</b>	<b>Nam Phi</b>
				
<b>Mexico</b>	<b>Argentina</b>	<b>Indonesia</b>	<b>Hàn Quốc</b>	<b>Nhật Bản</b>

#### d) Tiến trình hoạt động

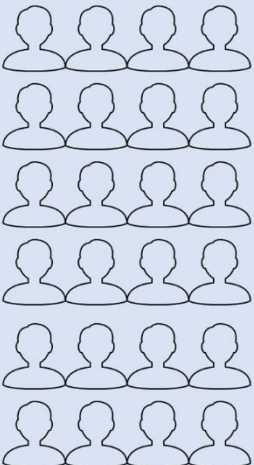
- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho Hs quan sát 10 hình ảnh quốc kì đánh số từ 1 đến 10, nêu tên các quốc gia
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi trong thời gian 1 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS báo cáo theo vòng tròn tên các quốc gia.

# BÁO CÁO THEO VÒNG TRÒN



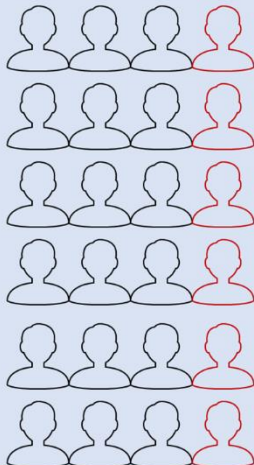
**DẶY B**

8 7 6 5



**DẶY A**


4 3 2 1



- GV sẽ gọi bất kì số thứ tự nào
- HS thuộc số thứ tự đó thuộc tất cả các bàn sẽ đứng dậy trả lời
- Mỗi lần chỉ trả lời 1 quốc gia, nếu sai thì ngồi xuống, mất quyền tham gia.
- HS nào còn lại cuối cùng sẽ được điểm cộng
- Lưu ý: Gv có thể đổi số thứ tự bất ngờ.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên chuẩn kiến thức, nhấn mạnh điểm độc đáo của Địa lí 11 và vào bài: mời HS đọc phần Lời nói đầu ở trang đầu tiên.

# CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÍ 11



*Địa lí 11* sẽ cung cấp cho các em thông tin về một số vấn đề của kinh tế – xã hội thế giới và tìm hiểu về địa lí một số khu vực và quốc gia tiêu biểu, mang tính đại diện cho các châu lục, các khu vực, các trình độ phát triển kinh tế – xã hội khác nhau trên thế giới.

ĐỊA LÍ 11

**PHẦN 1.**  
**MỘT SỐ VẤN ĐỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI**

**PHẦN 2.**  
**ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA**

Gồm 5 bài

Gồm 10 khu vực/ quốc gia

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (70 phút)**

## Hoạt động 2.1: Tìm hiểu SỰ PHÂN CHIA CÁC NHÓM NƯỚC

### a) Mục tiêu

- Kiến thức: Phân biệt được 2 nhóm nước phát triển và đang phát triển, tiêu chí để phân chia thành các nhóm nước.

- Kỹ năng: Nhận xét, phân tích lược đồ, bản đồ. Nêu được sự phân bố các nhóm nước.

b) Nội dung: Hs thảo luận cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ học tập

c) Sản phẩm: Phần trả lời miệng của HS

### I. Sự phân chia thành các nhóm nước.

- Theo trình độ phát triển kinh tế, các nước trên thế giới được phân chia thành nước phát triển và nước đang phát triển dựa vào các tiêu chí chủ yếu: tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người), cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người (HDI).

### d) Tiến trình hoạt động

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

\* **Nhiệm vụ 1:** Yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi sau:

+ Trên thế giới có mấy nhóm nước?

+ Căn cứ vào tiêu chí nào để phân chia thành các nhóm nước?

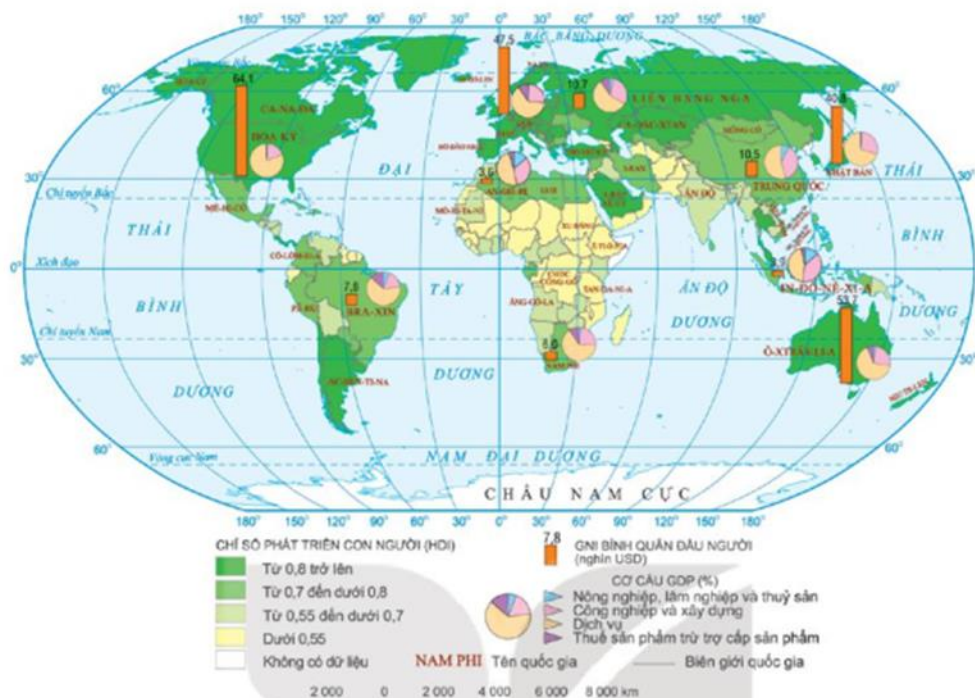
+ Đọc thông tin và dựa vào bảng 1.1, hãy phân biệt các nước phát triển (Đức, Hoa Kỳ, Nhật Bản) và các nước đang phát triển (Bra-xin, Cộng hòa Nam Phi, Việt Nam) về các chỉ tiêu: GNI người, cơ cấu kinh tế và HDI.

BẢNG 1.1. GNI/NGƯỜI, CƠ CẤU GDP VÀ HDI CỦA MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2020

Chi tiêu		GNI/ người (USD)	Cơ cấu GDP (%)			HDI	
			Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ		
Nhóm nước			Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm				
Phát triển	Đức	47 520	0,7	26,5	63,3	9,5	0,944
	Hoa Kỳ	64 140	0,9	18,4	80,1	0,6	0,920
	Nhật Bản	40 810	1,0	29,0	69,5	0,5	0,923
Đang phát triển	Bra-xin	7 800	5,9	17,7	62,8	13,6	0,758
	Cộng hoà Nam Phi	6 010	2,5	23,4	64,6	9,5	0,727
	Việt Nam	3 390	12,7	36,7	41,8	8,8	0,710

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Liên hợp quốc, 2022)

\* **Nhiệm vụ 2:** Quan sát hình 1, xác định một số nước phát triển và đang phát triển trên bản đồ.



Hình 1.1. Bản đồ HDI, GNI/người và cơ cấu GDP của một số nước trên thế giới năm 2020

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 3 phút.
- + GV gọi HS lên bảng xác định một số nước phát triển và đang phát triển trên bản đồ.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi *ngẫu nhiên* một số HS trình bày, HS khác sẽ bổ sung.

- + HS rút ra được sự khác biệt giữa các nhóm nước: nhóm nước phát triển có các chỉ số đều cao (GNI/người, cơ cấu ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ trong GDP và HDI) chỉ có cơ cấu ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thì thấp.
- + GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm GNI/ người và cơ cấu kinh tế đã được học trong chương trình lớp 10.

<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng thu nhập quốc gia (GNI) là tổng giá trị của tất cả các sản phẩm và dịch vụ cuối cùng do tất cả công dân của một quốc gia tạo ra trong năm.</li> <li>+ GNI/ người tính bằng quy mô GNI chia cho tổng số dân ở một thời điểm nhất định.</li> <li>+ Chỉ số này để đánh giá mức sống dân cư của một quốc gia</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cơ cấu kinh tế là tổng thể các ngành, lĩnh vực, bộ phận kinh tế có quan hệ hữu cơ tương đối ổn định hợp thành.</li> <li>+ Trong đánh giá trình độ của một quốc gia, cơ cấu NGÀNH kinh tế được sử dụng rất phổ biến.</li> </ul>
---	---

+ GV mở rộng Chỉ số phát triển con người (HDI – Human Development Index): *Chỉ số phát triển con người (HDI) là thước đo tổng hợp phản ánh sự phát triển của con người trên các phương diện:*

1. Sức khỏe (thể hiện qua tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh);
2. Tri thức (thể hiện qua chỉ số giáo dục)



3. Thu nhập (thể hiện qua tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người).

HDI nhận giá trị từ 0 đến 1.

+ GV cung cấp số liệu của Việt Nam và yêu cầu HS xác định Việt Nam thuộc nhóm nước nào.

GNI/người, cơ cấu GDP và HDI của Việt Nam năm 2021

Chỉ tiêu	Nhóm nước	Việt Nam
GNI/người (USD/người)		3 590*
Cơ cấu GDP (%)	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12,56
	Công nghiệp, xây dựng	37,48
	Dịch vụ	41,21
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,75
HDI		0,726

Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, NXB thống kê năm 2022

\* Theo <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GNP.PCAP.CD?locations=VN>

**- Bước 4. Kết luận, nhận định:**

+ Giáo viên chuẩn kiến thức.

+ HS ghi bài.

- Xem thêm: <https://tinyurl.com/y3f34jxd>

GV gọi mở thêm đề sang phần 2:

- Nhóm Các nước phát triển có thu nhập bình quân đầu cao, ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế và xếp thứ hạng cao về HDI.

- Nhóm các nước phát triển nhìn chung có mức sống thấp, sự phát triển kinh tế và công nghiệp ở mức thấp hơn các nước phát triển.

## Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về SỰ KHÁC BIỆT VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC.

a) Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được sự khác biệt kinh tế - xã hội của các nhóm nước: phát triển, đang phát triển.

- Kỹ năng: Nhận xét, phân tích bảng số liệu thống kê.

b) Nội dung: Hs thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập

c) Sản phẩm: Phần trả lời trên PHT

II. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước.			
Tiêu chí		Nhóm nước phát triển	Nhóm nước đang phát triển
	Quy mô kinh tế:	Lớn	Trung bình và thấp

Kinh tế	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	khá ổn định	khá cao.
	Cơ cấu kinh tế:	+Nhóm nước này tiến hành công nghiệp hoá từ sớm và thường tiên phong dẫn đầu trong các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới . + Ngành dịch vụ có đóng góp nhiều nhất trong GDP. + Hiện nay, các nước phát triển đang tập trung vào đổi mới và phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học – công nghệ và tri thức cao.	+ Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá – hiện đại hoá với tỉ trọng các ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ có xu hướng tăng.  + Một số nước đang phát triển bắt đầu chú trọng phát triển các lĩnh vực có hàm lượng khoa học – công nghệ và tri thức cao.
Xã hội	+ Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số + Cơ cấu dân số	Thấp  Già	có xu hướng giảm nhưng ở một số quốc gia vẫn còn cao  Trẻ đang có xu hướng già hoá.
	Đô thị hóa	Quá trình đô thị hoá sớm, tỉ lệ dân thành thị cao, cơ sở hạ tầng khá hiện đại và đồng bộ.	ốc độ đô thị hoá diễn ra nhanh, song tỉ lệ dân thành thị chưa cao
	Chất lượng cuộc sống	Cao	Mức cao, trung bình và thấp
	Y tế, giáo dục	Dịch vụ chất lượng tốt tuổi thọ trung bình và số năm đi học trung bình cao	Dịch vụ đang dần được cải thiện. Tuổi thọ trung bình và số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên đang tăng dần

d) Tiến trình hoạt động

**Nhiệm vụ 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 2 cụm mỗi cụm 6-8 nhóm tùy theo số lượng học sinh, các nhóm đọc thông tin trong SGK, quan sát bảng 1 và bảng thông tin hãy:

+ *Nhóm chuẩn:* Quan sát bảng 1.2 SGK, nhận xét về sự khác biệt về kinh tế của 2 nhóm nước theo phiếu học tập sau:

### PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Quan sát bảng 1.2 SGK, nhận xét về sự khác biệt về kinh tế của 2 nhóm nước theo phiếu học tập sau:

Qui mô, tốc độ tăng trưởng kinh tế:

- Qui mô: + Nước phát triển:.....
  - + Nước đang phát triển:.....
  - Tốc độ tăng trưởng kinh tế
  - + Nước phát triển:.....
  - + Nước đang phát triển:.....
- Cơ cấu kinh tế:
- + Nước phát triển:.....
  - + Nước đang phát triển:.....

+ *Nhóm lẻ*: Quan sát bảng 1.3 SGK, nhận xét về sự khác biệt xã hội của 2 nhóm nước theo phiếu học tập sau:

### PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Quan sát bảng 1.3 SGK, nhận xét về sự khác biệt về kinh tế của 2 nhóm nước theo phiếu học tập sau:

Dân số và đô thị hóa:

- Tỷ lệ gia tăng .....
  - + Nước phát tr.....
  - + Nước đang phát triển:.....
  - Cơ cấu dân số:
  - + Nước phát triển:.....
  - + Nước đang phát triển:.....
- Đô thị hóa:
- + Nước phát triển:.....
  - + Nước đang phát triển:.....
- Chất lượng cuộc sống
- + Nước phát triển:.....
  - + Nước đang phát triển:.....
- Giáo dục y tế:
- + Nước phát triển:.....
  - + Nước đang phát triển:.....

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm và hoàn thành nhiệm vụ trong 5 phút. GV quan sát và hỗ trợ HS.

**Nhiệm vụ 2: Cả lớp:** hoàn thành bảng



**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV gọi HS bất kì thuộc 2 nhóm chẵn, lẻ hoàn thành bảng thông tin

Tiêu chí		Nhóm nước phát triển	Nhóm nước đang phát triển
Kinh tế	Quy mô kinh tế:		
	Tốc độ tăng trưởng kinh tế		
	Cơ cấu kinh tế:		
Xã hội	+ Tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số + Cơ cấu dân số		
	Đô thị hóa		
	Chất lượng cuộc sống		
	Giáo dục và y tế (tuổi thọ trung bình và số năm đi học trung bình)		

**- Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** GV rút thăm ngẫu nhiên cá nhân trình bày >>> gọi ngẫu nhiên HS khác nhận xét. GV ghi nhanh các nhận xét lên bảng.

+ Gv cung cấp bảng số liệu, yêu cầu HS nhận xét để làm rõ sự tương phản giữa các nhóm nước

Năm	% trong GDP toàn cầu
Các nước nghèo vay nợ nhiều	0,9
Các nước kém phát triển (Phân loại của LHQ)	1,3
Các nước thu nhập thấp	0,5
Các nước thu nhập cao	63,1
Các nước trong khối OECD	61,8

Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, NXB thống kê năm 2022

\* GV lưu ý thêm: OECD là tên viết tắt của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, thành lập năm 1961 trên cơ sở Tổ chức Hợp tác Kinh tế Châu Âu (OEEC) với 20 thành viên sáng lập gồm các nước có nền kinh tế phát triển trên thế giới như Mỹ, Canada và các nước Tây Âu. Hiện nay, số thành viên của OECD là 30 quốc gia, gồm Mỹ, Canada, Áo, Bỉ, Đan Mạch, Pháp, Đức, Hy Lạp, Ireland, Ý, Luxembourg, Hà Lan, Na Uy, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Anh, Nhật Bản, Phần Lan, Úc, New Zealand, Hàn Quốc, Mexico, Cộng hòa Séc, Hungary, Ba Lan, Cộng hòa Slovakia.

+ HS nhận xét bảng số liệu 1.2, 1.3 và số liệu 3.1 SGK bộ Cánh diều để minh chứng về sự chênh lệch kinh tế, xã hội giữa các nhóm nước

**Bảng 1.3. Cơ cấu giá trị thương mại của các nhóm nước, năm 2020**

(Đơn vị: %)

Nhóm nước	Thương mại	Thương mại hàng hoá		Thương mại dịch vụ	
		Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Các nước phát triển	58,7	54,1	57,9	71,8	64,9
Các nước đang phát triển	41,3	45,9	42,1	28,2	35,1
Thế giới	100	100	100	100	100

(Nguồn: UN, 2021)


**- Bước 4. Kết luận, nhận định:**

+ Trong phần GV tổng kết lại sự khác biệt về kinh tế giữa hai nhóm nước và lưu ý một số điểm như:

- 1) nước có thu nhập bình quân đầu người cao chưa chắc đã thuộc nhóm các nước phát triển;
  - 2) Ngay trong nội bộ một nhóm thì thu nhập bình quân đầu người cũng có sự khác biệt;
  - 3) Cơ cấu kinh tế của cả hai nhóm nước đều có xu hướng giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, công nghiệp và tăng tỉ trọng ngành dịch vụ;
  - 4) Một số nước đang phát triển đã trở thành các nước công nghiệp hoá;
  - 5) Mức độ đồng bộ và chất lượng cơ sở hạ tầng ở hai nhóm nước khác nhau.
- + Gv mở rộng về nền kinh tế tri thức, già hóa dân số ở nhóm nước phát triển.

<https://coccoc.com/search?query=gi%C3%A0+h%C3%B3a+%E1%BB%9F+c%C3%A1c+n%C6%B0%E1%BB%9Bc+ph%C3%A1tS+tri%E1%BB%83n&tbm=vid>

## KINH TẾ TRI THỨC




**Tỷ lệ đóng góp các ngành công nghiệp dựa trên tri thức vào GDP ở**

- Singapore 57,9%
- Mỹ 55,3%
- Nhật Bản 53%
- Canada 51%
- Australia 48%.

*"Kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, truyền bá và sử dụng tri thức là động lực chủ yếu nhất của sự tăng trưởng, tạo của cải, tạo việc làm trong tất cả các ngành kinh tế".*

Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD)



- + GV chuẩn kiến thức
- + HS ghi bài

### HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP

(Cá nhân/5 phút)

- a) **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b) **Nội dung:** Tham gia trò chơi Ai nhanh hơn
- c) **Sản phẩm:** Phần trả lời trên bảng/giấy của HS
- d). **Tiến trình hoạt động**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS:

- + Chuẩn bị giấy note/bảng con cá nhân
- + Lắng nghe câu hỏi và viết nhanh đáp án
- + Hết giờ, đồng loạt giơ bảng
- + Tham gia trả lời trong 10 giây

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + HS nghe câu hỏi và trả lời
  - + HS xác nhận đáp án và tự chấm điểm
- 5 câu hỏi:

- + *Thế giới được chia thành mấy nhóm nước? kể tên. >>> 2 nhóm/ Phát triển và đang phát triển.*
- + *Việt Nam thuộc nhóm nước nào? >> Đang phát triển*
- + *Nêu 3 tiêu chí quan trọng phân biệt 2 nhóm nước >> GNI/người/ Cơ cấu kinh tế/ HDI*
- + *Cơ cấu dân số nước phát triển và đang phát triển khác nhau như thế nào? >>> Nước PT có dân số già, nước ĐPT có dân số trẻ hoặc đang chuyển sang DS già.*
- + *Đô thị hóa của nước phát triển và đang phát triển khác nhau như thế nào? >>> Nước PT có trình độ ĐTH cao, nước ĐPT có trình độ ĐTH còn thấp, mang tính tự phát.*

- **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** GV cho Hs đổi sản phẩm và bổ sung cho nhau

- **Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV chấm 1 số sản phẩm Hs, nhận xét và đánh giá tinh thần học tập của cả lớp.

#### Phương án 2 (hoặc sử dụng cả 2 nếu còn thời gian)

Hoạt động: Tôi lên tiếng: là HS và thuộc nhóm nước đang phát triển, em có buồn không? Em hãy đề xuất các giải pháp để cá nhân/ đất nước phát triển hơn.

### HOẠT ĐỘNG 4 : VẬN DỤNG

(Cá nhân/ 3 phút)

a) **Mục tiêu:** Từ bài học Hs sẽ sưu tầm được tư liệu về kinh tế – xã hội của một số nước từ các nguồn khác nhau.

b) **Nội dung:** Hs tìm hiểu ở nhà về về kinh tế – xã hội ( GNI/người và HDI) của 1 số nước phát triển và đang phát triển

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS

d) **Tổ chức hoạt động**

-**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS ở nhà

Sưu tầm tư liệu về kinh tế – xã hội ( GNI/người và HDI) của 1 số nước phát triển và đang phát triển

Cụ thể : Hoa Kỳ và Việt Nam

Hình thức : Báo cáo bằng PPT hoặc tranh, Minmap

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận vấn đề và thực hiện ở nhà

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Hs báo cáo sản phẩm bằng PPT, tranh vẽ, Minmap trong nhóm lớp

trước buổi học tiếp theo

- **Bước 4: Kết luận:** GV theo dõi, đôn đốc và chấm đánh giá sản phẩm, công bố kết quả trong tiết học tiếp theo

#### IV. RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

#### V. PHỤ LỤC

##### 1/ Câu hỏi và bài tập

Câu 1. Cho bảng số liệu

**Tỉ trọng các ngành trong cơ cấu nền kinh tế của các nước đang phát triển năm 2020**

Đơn vị: %

Quốc gia	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
Bra-xin	5,9	17,7	62,8	13,6
Cộng hoà Nam Phi	2,5	23,4	64,6	9,5
Việt Nam	12,7	36,7	41,8	8,8

Nguồn: SGK Địa lí 11, Bộ KNTT với CS

Phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng các ngành trong cơ cấu nền kinh tế của các nước đang phát triển?

- A. Nông - lâm - ngư có xu hướng tăng.
- B. Tỉ trọng dịch vụ có nhiều biến động.
- C. Công nghiệp và xây dựng tăng nhanh.
- D. Nông - lâm - ngư có xu hướng giảm.

Câu 2. Các quốc gia đang phát triển thường có

- A. tỉ suất tử vong người già rất thấp.
- B. thu nhập bình quân đầu người cao.
- C. nền công nghiệp phát triển rất sớm.
- D. chỉ số phát triển con người thấp.

Câu 3. Các nước phát triển có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn hẳn các nước đang phát triển, thể hiện chủ yếu ở việc

- A. chiếm phần lớn giá trị xuất khẩu của thế giới.
- B. tỉ trọng của khu vực kinh tế dịch vụ chưa cao.
- C. Tốc độ tăng Tổng thu nhập trong nước cao.
- D. Công nghiệp - xây dựng tăng trưởng nhanh.

Câu 4. Các nước đang phát triển có đặc điểm là

A. GDP bình quân đầu người cao.

B. đầu tư nước ngoài (FDI) nhiều.

C. chỉ số phát triển con người cao.

D. cơ cấu ngành nông nghiệp cao.

**Câu 5.** Các nước đang phát triển phân biệt với các nước phát triển bởi một trong những tiêu chí là

A. chỉ số chất lượng cuộc sống (HDI) cao.

B. GNI bình quân đầu người thấp hơn nhiều.

C. dịch vụ có tỉ trọng cao trong nền kinh tế.

D. tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm thấp.

**Câu 6.** Các nước có thu nhập ở mức thấp hiện nay hầu hết đều ở

A. Bắc Mỹ.

B. Bắc Á.

C. châu Phi.

D. châu Âu.

**Câu 7.** Nước công nghiệp mới là những nước đang phát triển đã trải qua quá trình

A. chuyên môn hoá và đạt được trình độ phát triển công nghiệp nhất định.

B. liên hợp hoá và đạt được trình độ phát triển công nghiệp nhất định.

C. công nghiệp hoá và đạt được trình độ phát triển công nghiệp nhất định.

D. đô thị hoá và đạt được trình độ phát triển công nghiệp, đô thị nhất định.

**Câu 8.** Phát biểu nào sau đây đúng với các nước phát triển?

A. Chỉ số phát triển con người thấp.

B. Đầu tư nước ngoài (FDI) ít.

C. Còn có nợ nước ngoài nhiều.

D. GDP bình quân đầu người cao.

**Câu 9.** Cho bảng số liệu

**Tỉ trọng các ngành trong cơ cấu nền kinh tế của các nước đang phát triển năm 2020**

*Đơn vị: %*

Quốc gia	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
Bra-xin	5,9	17,7	62,8	13,6
Cộng hoà Nam Phi	2,5	23,4	64,6	9,5
Việt Nam	12,7	36,7	41,8	8,8

*Nguồn: SGK Địa lí 11, Bộ KNTT với CS*

Để thể hiện tỉ trọng các ngành trong cơ cấu nền kinh tế của các nước đang phát triển năm 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột.

B. Đường.

C. Tròn.

D. Miền.

**Câu 10.** Các nước có GDP/người cao tập trung nhiều ở khu vực

A. Trung Đông.

B. Bắc Mỹ.

C. Đông Á.

D. Đông Âu.

## 2/ Các link video, tư liệu...

1/ [Các nước phát triển thường có đặc điểm nổi bật nào? \(hieuluat.vn\)](http://hieuluat.vn)

2/ [Cần gì để được coi là một nước phát triển? - Kinh doanh - ZINGNEWS.VN](http://zingnews.vn)

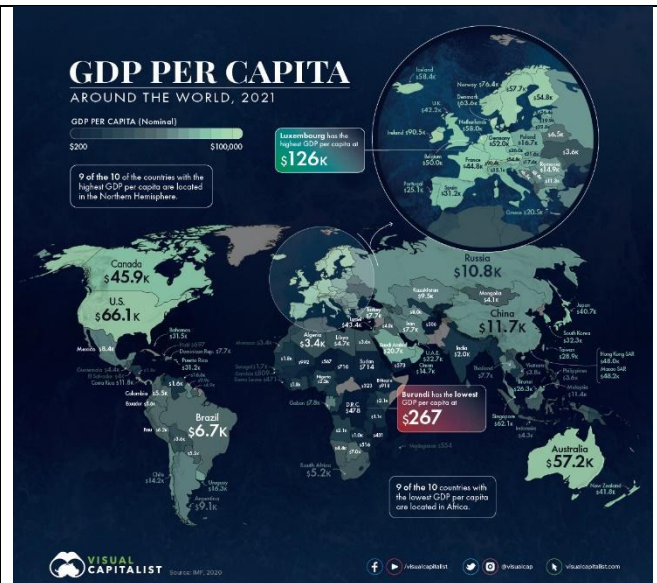
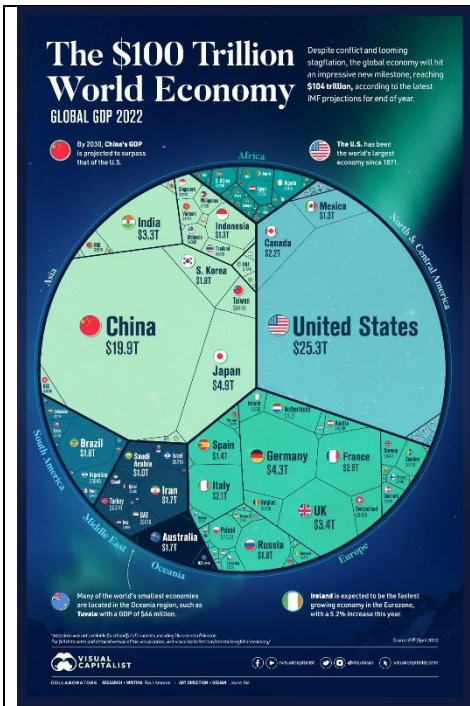
3/ [Chi tiết tin \(mof.gov.vn\)](http://mof.gov.vn)

4/ [Trung Quốc: Nền kinh tế phát triển hay đang phát triển? \(kinhtedothi.vn\)](http://kinhtedothi.vn)

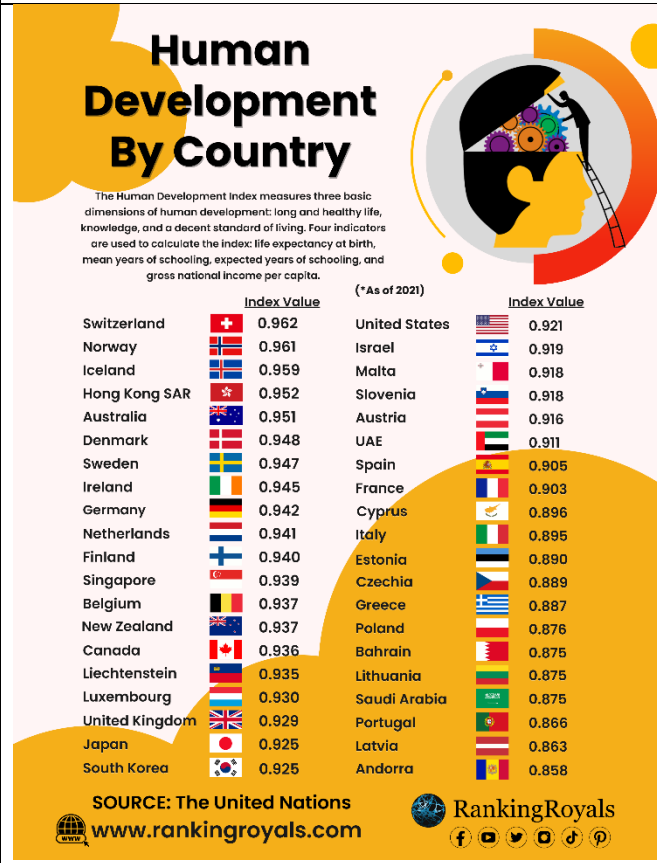
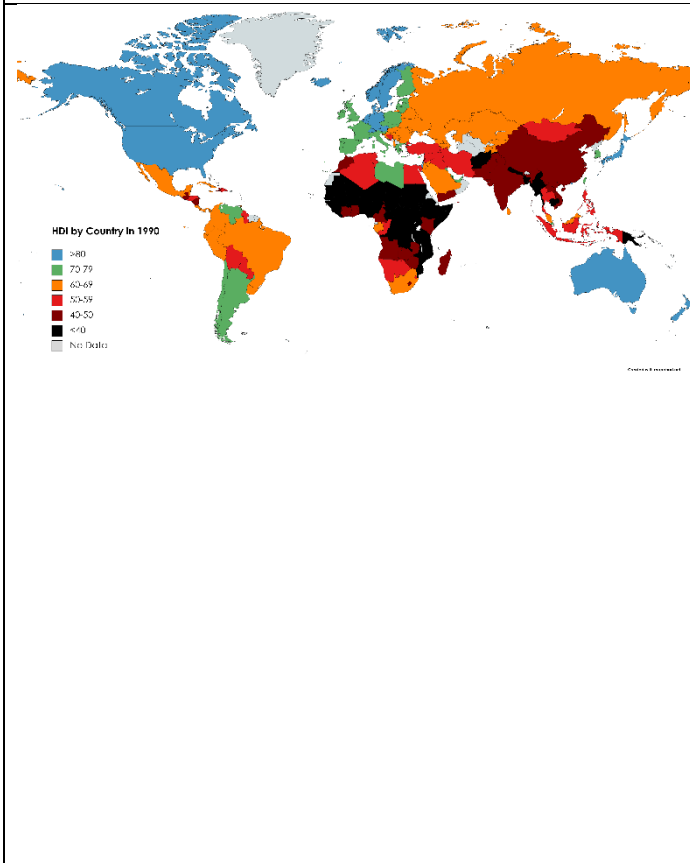
5/ <https://www.youtube.com/watch?v=t65gzchFOqg>

## 3/ Hệ thống tranh ảnh





COLLABORATORS RESEARCH + WRITING: Avery Kemp, Paul Amos; DESIGN + ART DIRECTION: Amy Kuo, Christine Baskin, Melissa Haskins





**Tuần: 2**

**Ngày soạn: 06/09/2024**

**PPCT: 03 + 04**

## **BÀI 2. TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ** **(02 tiết)**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức**

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế.
- Phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.
- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế.
- Phân tích được ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.

#### **2. Năng lực**

##### **\*. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ học tập như khai thác hình ảnh, video để trả lời câu hỏi. Biết lưu giữ thông tin, chủ động ghi chép lại những nội dung chính của bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự giác đề thảo luận với HS khác về nhiệm vụ học tập được giao đồng thời đánh giá, nhận xét được kết quả học tập của HS khác. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp để báo cáo kết quả học tập.

##### **\*. Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học địa lí:
  - + Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế.
  - + Phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.
  - + Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế.
  - + Phân tích được ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.
- Tìm hiểu địa lí:
  - + Nhận xét, phân tích hình ảnh, bảng số liệu để thấy biểu hiện toàn cầu hóa, khu vực vực hóa kinh tế.
  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

Đánh giá những ảnh hưởng của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế với Việt Nam từ việc thu thập thông tin và kết quả mà Việt Nam đạt được từ khi gia nhập ASEAN

#### **3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, tự giác hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng. Xác định trách nhiệm của bản thân trong vai trò phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai.

### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

## 1. Giáo viên

- Bản đồ các nước trên thế giới.
- Các video, hình ảnh, số liệu thống kê về toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.
- Phiếu học tập.

## 2. Học sinh

- Đọc bài ở nhà,
- Giấy nhớ

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### Hoạt động 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu

(Cá nhân/5 phút)

##### a) Mục tiêu

- Kiến thức: Tạo hứng thú cho Hs khi bước vào bài học.
- Kỹ năng: phân tích khai thác thông tin, dữ liệu từ truyền thông.

b) Nội dung: Hs thực hiện trò chơi kể tên các tổ chức liên kết mà Việt Nam tham gia.

##### c) Sản phẩm:

**KHỞI ĐỘNG**

Em hãy kể tên một số tổ chức liên kết trên thế giới mà Việt Nam tham gia.

VIỆT NAM WTO  
Tổ chức thương mại thế giới - WTO

Asia-Europe Meeting  
Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM)

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á - ASEAN

Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương

UNITED NATIONS  
Liên hợp quốc

##### d) Tiến trình hoạt động

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS, kể tên một số tổ chức liên kết mà Việt Nam tham gia.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân trong vòng 2 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Gv gọi ngẫu nhiên một HS ở một nhóm bất kì trả lời, mỗi lần chỉ được nêu tên một tổ chức, bổ sung theo vòng tròn, không lặp đáp án, nhóm có nhiều đáp án nhất có thưởng.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV dẫn dắt để HS có thể phát biểu được 1 biểu hiện của toàn cầu hóa và khu vực hóa. GV chuẩn kiến thức và vào bài.

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới ( phút)

## HOẠT ĐỘNG 2.1: TÌM HIỂU VỀ TOÀN CẦU HÓA

(Đọc tích cực/nhóm/khai thác trực quan)

a) Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được khái niệm, biểu hiện và hệ quả của toàn cầu hóa.
- Kỹ năng: Làm việc nhóm, giải quyết vấn đề.

b) Nội dung: Hs nghiên cứu, thảo luận hoàn thành nhiệm vụ học tập

c) Sản phẩm:

### I. XU HƯỚNG TOÀN CẦU HOÁ KINH TẾ.

#### 1. Khái niệm

Toàn cầu hoá là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về nhiều mặt, từ kinh tế đến văn hoá, khoa học... Trong đó, toàn cầu hoá kinh tế có tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của nền kinh tế – xã hội thế giới.

#### 2. Biểu hiện

- Các dòng hàng hoá – dịch vụ, vốn, lao động và tri thức ngày càng được tự do dịch chuyển.
- Các giao dịch quốc tế về thương mại, đầu tư và tài chính tăng nhanh.
- Hình thành và phát triển các tổ chức kinh tế toàn cầu
- Các công ty đa quốc gia có vai trò quan trọng.
- Các tiêu chuẩn toàn cầu được áp dụng ngày càng rộng rãi trong quá trình sản xuất kinh doanh:

#### 2. Hệ quả

- Tích cực:

- + Tăng cường chuyên môn hoá và hợp tác hoá trong sản xuất, thúc đẩy phân công lao động, qua đó lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ.
- + Tạo ra sự dịch chuyển các yếu tố sản xuất như lao động, vốn, công nghệ và tri thức.
- + Có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại các nước theo hướng phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ có hàm lượng công nghệ và tri thức cao, hướng tới phát triển xanh và bền vững.

- Hạn chế:

Gia tăng sự phân hoá trình độ phát triển kinh tế và khoảng cách giàu nghèo trong từng nước và giữa các nước.

d) Tiến trình hoạt động

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

\* **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm toàn cầu hóa.**

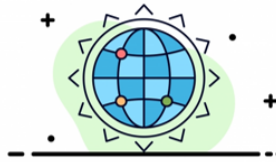
GV yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa và hoàn thành nhiệm vụ học tập sau :

## TÌM HIỂU KHÁI NIỆM TOÀN CẦU HÓA



Quan sát sách giáo khoa và điền những từ còn thiếu vào chỗ trống

Toàn cầu hóa là quá trình ..... các quốc gia trên thế giới về nhiều mặt, từ ..... đến ..... Trong đó, toàn cầu hoá kinh tế có ..... đến mọi mặt của nền kinh tế - xã hội thế giới



### \* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu biểu hiện toàn cầu hóa

GV chia lớp thành 4 nhóm yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa, thảo luận nhóm nêu biểu hiện toàn cầu hóa

## TÌM HIỂU BIỂU HIỆN TOÀN CẦU HÓA



*Nhiệm vụ*

 Sơ đồ nhóm

Nhóm 1

Nhóm 2

Nhóm 3

Nhóm 4



Thảo luận và nêu biểu hiện toàn cầu hóa

Thời gian:

00:05:00



### Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu hệ quả toàn cầu hóa

Yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa, thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi

Nêu hệ quả của toàn cầu hóa?

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu SGK, thảo luận nhóm/cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ học tập theo thời gian GV quy định trong từng nhiệm vụ. GV quan sát và hỗ trợ HS.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS đối chiếu sản phẩm cho nhóm và cặp đôi. Các nhóm/cặp đôi khác nhận xét, bổ sung cho hoàn thiện sản phẩm
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV treo 1 sản phẩm lên bảng chữa và GV chuẩn kiến thức GV yêu cầu HS liên hệ thực tế hoặc tìm thông tin ở internet một số ví dụ cụ thể về các hợp tác song phương và đa phương, hiệp định thương mại được kí kết; hoạt động của một số công ty xuyên quốc gia; một số tiêu chuẩn quản lí môi trường, quản lí năng lượng; tiêu chuẩn bảo mật công nghệ thông tin,...

GV cung cấp thêm bảng số liệu và yêu cầu HS nhận xét

Tiêu chí/Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2000	7961,7	7927,2
2005	13 014,0	12 804,0
2010	19 009,0	18 467,2
2015	21 341,8	20 815,8
2019	24 970,7	24 418,2
2020	22 594,7	21 949,6

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

 Nhận xét trị giá nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ toàn thế giới giai đoạn 2000 - 2020?

Góc suy ngẫm: Liên hệ các hệ quả toàn cầu hóa ở nước ta

## **Hoạt động 2.2: Tìm hiểu VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

a) Mục tiêu

- Kiến thức: Phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới
- Kỹ năng: Nhận xét, phân tích bảng số liệu thống kê.

b) Nội dung: Hs thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập

c) Sản phẩm: Phân trả lời trên PHT

### **3. Ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới**

#### **a) Tích cực**

- Góp phần khai thác lợi thế cạnh tranh của từng quốc gia, tăng cường chuyên môn hoá và phân công lao động trên phạm vi quốc tế, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- Thúc đẩy các nước cải cách kinh tế, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thể chế phát triển kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh...
- Gia tăng các nguồn lực bên ngoài (vốn, lao động, công nghệ,...) cho phát triển kinh tế - xã hội

#### **b) Tiêu cực**

– Gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa các nước, gây ra vấn đề về môi trường, rác thải, đặc biệt rác thải nhựa.

d) Tiến trình hoạt động

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm đọc thông tin trong SGK, bảng thông tin hãy hoàn thành theo phiếu học tập sau:

## TÌM HIỂU ẢNH HƯỞNG TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ



 **Sơ đồ nhóm**

Nhóm 1

Nhóm 2

Nhóm 3

Nhóm 4



 *Phiếu học tập số 1*

**NHIỆM VỤ 1:** Xem video và hoàn thiện các câu trích dẫn sau:

- ❖ “Quy trình chế tạo được..... ai gì làm được ở nước nào rẻ nhất thì thuê gia công tại nước đó. Hãng Renault của Pháp thuê tới 17.000 nhà cung cấp trên toàn thế giới chế tạo các linh kiện khác nhau.
- ❖ "Cú sốc từ sự kiện Nga và Ukraine đang rung chuyển thế giới, tác động trực tiếp đến sự sụp đổ hoạt động thương mại tại khu vực tiếp giáp phía đông Liên minh châu Âu. Những tác động tiêu cực gián tiếp đến nhu cầu của toàn thế giới là .....nguồn cung nguyên liệu thô và linh kiện đầu vào bị gián đoạn”, ông Paolo Gentiloni, Cao ủy châu Âu về Kinh tế, đánh giá.
- ❖ Âu Mỹ và Nga cấm vận lẫn nhau càng làm cho câu chuyện thêm phức tạp. Trùng phạt kinh tế,..... thêm những hàng rào vô hình, ngăn cách các thị trường.

**NHIỆM VỤ 2:** Đọc mục 3 trong SGK kết hợp xem video, nhiệm vụ 1 hoàn thành ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới

	Ảnh hưởng	Ví dụ
Tích cực		
Tiêu cực		

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm và hoàn thành nhiệm vụ trong 5 phút. GV quan sát và hỗ trợ HS.

- **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** GV cho các nhóm đối chéo sản phẩm, nhận xét và bổ sung

- **Bước 4. Kết luận, nhận định:**

+ Gv mở rộng về toàn cầu hóa đối với nước ta qua video





- + GV chuẩn kiến thức
- + HS ghi bài

## HOẠT ĐỘNG 2.3: TÌM HIỂU VỀ XU HƯỚNG KHU VỰC HÓA KINH TẾ

(Cá nhân/ nhóm /cặp đôi)

### a) Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được các khái niệm, biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế.
- Kỹ năng: Làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, xác định được một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực trên bản đồ

b) Nội dung: Hs nghiên cứu, thảo luận hoàn thành nhiệm vụ học tập

c) Sản phẩm:



## II. XU HƯỚNG KHU VỰC HOÁ KINH TẾ.

### 1. Khái niệm

Khu vực hoá kinh tế chính là quá trình liên kết và hợp tác kinh tế giữa các nước trong các khu vực trên thế giới trên cơ sở tương đồng về địa lý, văn hoá, xã hội hoặc có chung mục tiêu và lợi ích phát triển.

### 2. Biểu hiện

- Gia tăng số lượng và quy mô của các tổ chức khu vực trên thế giới.
- Hợp tác khu vực ngày càng đa dạng và phát triển.

### 3. Hệ quả

- Tạo lập một thị trường sản xuất và tiêu dùng rộng lớn, thúc đẩy đầu tư và thương mại nội khối cũng như tăng cường hợp tác, nâng cao trình độ khoa học - công nghệ trong khu vực.
- Thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường ở các quốc gia, tạo cơ hội việc làm, thu hút các nhà đầu tư. Các doanh nghiệp ở các nước thành viên được hưởng nhiều ưu đãi hơn nhờ các hiệp định thương mại khu vực.
- Hình thành các rào cản thương mại ( thuế, tiêu chuẩn chất lượng...) đối với những nước bên ngoài khu vực.

### d) Tiến trình hoạt động

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

\* **Nhiệm vụ 1:**

GV yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa và hoàn thành nhiệm vụ học tập sau :

## PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Dựa vào kiến thức đã học, tìm kiếm trên mạng internet và hiểu biết thực tế hoàn thành phiếu học tập sau

**Nhiệm vụ 1.** Sắp xếp lại cho đúng tên và hình các tổ chức

Hãy sắp xếp tên của hình đúng với tên của tổ chức

Hình 1: Hiệp hội các quốc gia ĐNA - ASEAN

Hình 2: Thị trường chung Nam Mĩ - MERCOSUR

Hình 3: Diễn đàn hợp tác Châu Á - TBD (APEC)

Hình 4: Liên Minh Châu Âu - EU

Hình 5: Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mĩ - NAFTA

**Nhiệm vụ 2:** Nhận xét số lượng thành viên, qui mô và tác động tích cực và tiêu cực mà các tổ chức này mang lại? Tại sao phải hình thành các tổ chức liên kết khu vực?

### \* **Nhiệm vụ 2:**

GV chia lớp thành 4 nhóm (hoặc 8 nhóm tùy sĩ số) yêu cầu các nhóm quan sát mục II, khai thác SGK, dựa vào kiến thức đã học, hiểu biết thực tế, hoàn thành phiếu học tập của các nhóm theo các nội dung:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

Đọc mục II SGK, dựa vào sản phẩm đã làm ở phiếu học tập số 2 hoàn thành phiếu học tập sau

Khái niệm khu vực hóa kinh tế:.....

Khu vực hóa kinh tế khác Toàn cầu hóa kinh tế ở chỗ nào?

.....

Biểu hiện:.....

.....

### \* **Nhiệm vụ 3:**

Yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa, thảo luận cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ học tập sau:  
Đọc phần hệ quả và tích chọn đúng vào ý hệ quả của toàn cầu hóa, thời gian 2 phút

## HỆ QUẢ CỦA KHU VỰC HÓA KINH TẾ



Hãy tích chọn vào những hệ quả của khu vực hóa kinh tế

- 1. Tạo lập một thị trường sản xuất và tiêu dùng rộng lớn
- 2. Gia tăng khoảng cách giàu nghèo
- 3. Thúc đẩy đầu tư và thương mại nội khối
- 4. Thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường ở các quốc gia
- 5. Tạo lập những thị trường khu vực rộng lớn
- 6. Hình thành các rào cản thương mại.
- 7. Xuất hiện nền kinh tế tri thức

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu SGK, thảo luận nhóm/cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ học tập theo thời gian GV quy định trong từng nhiệm vụ. GV quan sát và hỗ trợ HS.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS đối chiếu sản phẩm cho nhóm và cặp đôi. Các nhóm/cặp đôi khác nhận xét, bổ sung cho hoàn thiện sản phẩm

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV treo 1 sản phẩm lên bảng chữa và GV chuẩn kiến thức

### Hoạt động 2.4: Tìm hiểu VỀ Ý NGHĨA CỦA KHU VỰC HÓA KINH TẾ ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

a) Mục tiêu

- Kiến thức: Phân tích được ý nghĩa của khu vực hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới

- Kỹ năng: Làm việc nhóm, giải quyết vấn đề

b) Nội dung: Hs thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập

c) Sản phẩm: Phần trả lời trên PHT

#### 4. Ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới .

+ Giúp các nước trong khu vực có thể dễ dàng liên kết với nhau và rút ngắn khoảng cách đạt được mục tiêu phát triển kinh tế.

+ Giúp các nước giải quyết các vấn đề chung của khu vực và nâng cao vị thế khu vực so với các khu vực khác trên thế giới. Đồng thời, khu vực hoá kinh tế còn làm tăng sức cạnh tranh của khu vực và khai thác được các lợi thế của các thành viên trong khu vực.

+ Khu vực hoá kinh tế bổ sung cho toàn cầu hoá kinh tế và từng bước làm cho nền kinh tế thế giới trở thành một thể thống nhất.

d) Tiến trình hoạt động

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm đọc thông tin trong SGK, tìm kiếm thông tin trên mạng internet hãy hoàn thành theo phiếu học tập số 3 sau:

**TÌM HIỂU Ý NGHĨA KHU VỰC HÓA KINH TẾ**





## Phiếu học tập số 3

**Sơ đồ nhóm**

Nhóm 1

Nhóm 2

Nhóm 3

Nhóm 4



Đọc thông tin trong SGK, tìm kiếm thông tin trên mạng internet hãy hoàn thành theo phiếu học tập:  
Phân tích ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới? Lấy ví dụ?





**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm và hoàn thành nhiệm vụ trong 5 phút. GV quan sát và hỗ trợ HS.

- **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** GV cho các nhóm đối chiếu sản phẩm, nhận xét và bổ sung

- **Bước 4. Kết luận, nhận định:**

+ Gv mở rộng về thành công của Việt Nam khi gia nhập WTO

<https://vtv.vn/chinh-tri/tong-giam-doc-wto-thanh-cong-cua-viet-nam-can-duoc-gioi-thieu-nhieu-hon-voi-the-gioi-20230518194810711.htm>

+ GV chuẩn kiến thức

+ HS ghi bài

### HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP

(Nhóm/Trò chơi)

a) **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

b) **Nội dung:** Hs tham gia trò chơi theo nhóm

c) **Sản phẩm:** Sản phẩm của HS




Các công ty đa quốc gia có	vai trò quan trọng	Tác động tiêu cực của toàn cầu hóa kinh tế là	Già tăng sự phân hoá trình độ phát triển kinh tế và khoảng cách giàu nghèo trong từng nước và giữa các nước.
			Biểu hiện của khu vực hóa kinh tế là
lao động, vốn, công nghệ và tri thức.	Toàn cầu hóa KT tạo ra sự dịch chuyển các yếu tố sản xuất như	từng bước làm cho nền kinh tế thế giới trở thành một thể thống nhất.	Khu vực hoá kinh tế bổ sung cho toàn cầu hoá kinh tế và
			Già tăng số lượng và quy mô của các tổ chức khu vực trên thế giới. Hợp tác khu vực ngày càng đa dạng và phát triển.

**GAME OVER**

**d) Tiến trình hoạt động**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia ra 4 nhóm và phổ biến luật chơi

**TỔNG KẾT, CƯỜNG CỐ**

**GAME Domino**

**Thẻ bắt đầu** Các dòng hàng hoá – dịch vụ, vốn, lao động và tri thức ngày càng

**Thẻ ghép** được tự do dịch chuyển.

**Thẻ kết thúc**

**RULE**

Có 4 bộ thẻ chia cho 4 nhóm. Quy tắc DOMINO: 1 thẻ sai, đổ cả bài.

Bắt đầu từ thẻ Start. Tìm ý phù hợp để ghép và nối các thẻ lại với nhau, tiếp tục cho đến thẻ Finish

Nhóm nào về sớm nhất và đúng nhất -> chiến thắng

**3:00**

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs tham gia trò chơi

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Nhóm trưởng đi chấm sản phẩm bổ sung, nhận xét, GV chiếu đáp án

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chuẩn kiến thức và nhận xét tinh thần học tập của các nhóm  
**Phương án 2 (hoặc sử dụng cả 2 nếu còn thời gian)**

Hoạt động: Tôi lên tiếng: Em hãy nêu những biểu hiện của nước ta khi tham gia toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế? Em hãy đề xuất các giải pháp để cá nhân/ đất nước phát triển hơn.

**HOẠT ĐỘNG 4 : VẬN DỤNG**

*(Cá nhân/ 3 phút)*

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học sưu tầm thông tin về ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đến Việt Nam.

b) **Nội dung:** Hình thức: HS có thể trình bày trên giấy, vẽ tranh, thiết kế phim hoạt hình... chụp sản phẩm và gửi vào nhóm Facebook của lớp để cả lớp và GV đánh giá công khai.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d) Tiến trình hoạt động**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS trả lời nội dung:

Sưu tầm thông tin về ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đến Việt Nam.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhận nhiệm vụ, HS trao đổi và phát biểu nhanh ý kiến.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS tiến hành hoàn thiện sản phẩm và nộp sản phẩm trong tuần tiếp theo trên facebook của lớp.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét quá trình học tập của HS trong tiết học.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

.....

.....

.....

.....

---

## V. PHỤ LỤC

### 1/ Câu hỏi và bài tập

**Câu 1.** Toàn cầu hoá kinh tế dẫn đến.

- A. thu hẹp khoảng cách giàu nghèo.
- B. thu hẹp thị trường tài chính quốc tế.
- C. tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.
- D. thu hẹp phạm vi hoạt động các công ty xuyên quốc gia.

**Câu 2.** Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực vừa hợp tác, vừa cạnh tranh không phải để

- A. thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.
- B. tăng cường đầu tư dịch vụ giữa các khu vực.
- C. hạn chế khả năng tự do hóa thương mại.
- D. bảo vệ lợi ích kinh tế các nước thành viên.

**Câu 3.** Xu hướng khu vực hóa đặt ra một trong những vấn đề đòi hỏi các quốc gia phải quan tâm giải quyết là

- A. Tự chủ về kinh tế.
- B. Nhu cầu đi lại giữa các nước.
- C. Thị trường tiêu thụ sản phẩm .
- D. Khai thác và sử dụng tài nguyên.

**Câu 4.** Các nước đang phát triển phụ thuộc vào các nước phát triển ngày càng nhiều về

- A. thị trường.
- B. lao động.
- C. nguyên liệu.
- D. vốn, khoa học - công nghệ.

**Câu 5.** Hậu quả của việc toàn cầu hóa kinh tế là

- A. Thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng trưởng kinh tế toàn cầu.
- B. Đẩy nhanh đầu tư và khai thác triệt để khoa học công nghệ.
- C. Tăng cường sự hợp tác quốc tế giữa các nước.
- D. Làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo.

### 2/ Các link video, tư liệu...

Link tham khảo hợp tác quốc tế: <https://s.net.vn/jSBh>

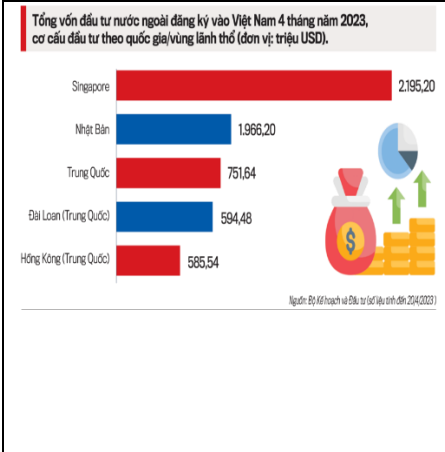
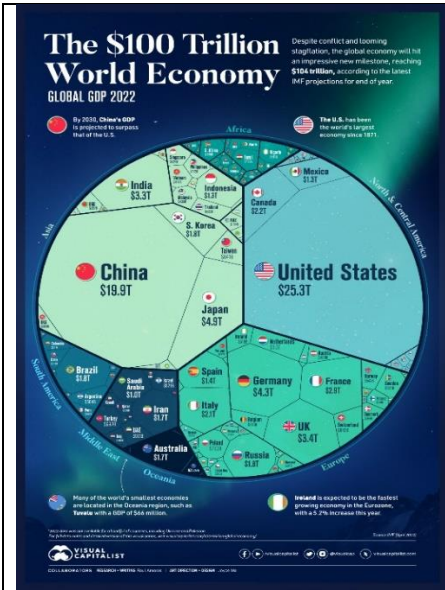
Link tham khảo công ty xuyên quốc gia

<https://glints.com/vn/blog/cac-cong-ty-xuyen-quoc-gia-o-viet-nam/>

Link tham khảo các tiêu chuẩn ....<https://goeco.link/BDHQq>

### 3/ Hệ thống tranh ảnh





Ngày soạn: 10/09/2024

PPCT: 05

## **Bài 3. THỰC HÀNH:** **TÌM HIỂU NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA TOÀN CẦU HOÁ** **VÀ KHU VỰC HOÁ KINH TẾ** (Số tiết: 1tiết)

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức**

- Suu tầm và hệ thống hoá các tư liệu, số liệu về toàn cầu hoá và khu vực hoá kinh tế.
- Trình bày được cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

#### **2. Về năng lực:**

##### **a. Năng lực chung**

- Tự học tự chủ: Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao. Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.
- Giao tiếp hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá các vấn đề. Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.

##### **b. Năng lực địa lí**

- Sử dụng các công cụ địa lí: Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các văn bản tài liệu phù hợp với nội dung của toàn cầu hoá và khu vực hoá kinh tế.
- Khai thác Internet phục vụ môn học: Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá được các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn.

#### **3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: tích cực tham gia các nhiệm vụ học tập và hăng say phát biểu.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng.

### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

#### **1. Thiết bị dạy học**

- Khổ giấy lớn, bút lông, nam châm gắn bảng, phiếu học tập, một số hình ảnh về sông, hồ, băng tuyết...
- Phần thưởng cho trò chơi (nếu có).

#### **2. Học liệu**

- Sách giáo khoa, tập ghi chép.
- Giấy note

### **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

#### **1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (TÌNH HUỐNG XUẤT PHÁT) - 3 PHÚT**

##### **a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho bài học, kiểm tra các kiến thức cũ.

##### **b. Nội dung:**

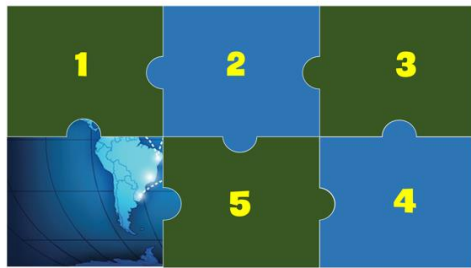
- Học sinh tham gia trò chơi khởi động do giáo viên tổ chức.

##### **c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh

d. *Tổ chức thực hiện*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV phát cho học sinh các mảnh ghép đã chuẩn bị sẵn (hoặc làm ngay trên PPT)



**THỬ TÀI XẾP TRANH**

Hãy sắp xếp các bức tranh ở phía dưới vào các mảnh ghép ở phía trên để tạo ra một bức tranh hoàn chỉnh



- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắp ráp các mảnh ghép thành bức tranh hoàn chỉnh. GV hỗ trợ khó khăn (nếu có)

- **Báo cáo, thảo luận:** GV nhận xét kết quả làm thực hiện nhiệm vụ của HS.

- **Kết luận:** Từ bức tranh học sinh ghép hoàn chỉnh, GV dẫn dắt vào bài thực hành: *Toàn cầu hoá, khu vực hóa tạo ra những thời cơ thuận lợi và không ít những khó khăn cho sự phát triển của các nước đang phát triển. Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, chúng ta sẽ cùng thực hiện nội dung của của bài thực hành*

## 2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30 PHÚT)

### 2.1. Hoạt động 1: **Sưu tầm tài liệu, số liệu về toàn cầu hoá và khu vực hoá (5 phút)**

a. *Mục tiêu*

- Sưu tầm và hệ thống hoá các tư liệu, số liệu về toàn cầu hoá và khu vực hoá kinh tế.

b. *Nội dung*

HS sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị có kết nối internet để sưu tầm các tư liệu và số liệu về toàn cầu hoá sau đó hệ thống lại theo định hướng của GV.

c. *Sản phẩm*

Các tư liệu, số liệu của học sinh đã tìm được theo định hướng sau:

	Toàn cầu hoá		Khu vực hoá	
	Cơ hội	Thách thức	Cơ hội	Thách thức
Hình ảnh				
Bảng số liệu				
Tư liệu khác				

d. *Tổ chức thực hiện*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu các nhóm sử dụng điện thoại có kết nối mạng internet để tìm kiếm và hệ thống hoá kiến thức về những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá và khu vực hoá theo định hướng sau:

	Toàn cầu hoá		Khu vực hoá	
	Cơ hội	Thách thức	Cơ hội	Thách thức
Hình ảnh				
Bảng số liệu				
Tư liệu khác				

GV cung cấp cho học sinh một số trang có thể lấy tư liệu:

+ Liên hợp quốc/Số liệu về thương mại toàn cầu: <https://bom.so/BKorOK>

+ Trung tâm WTO và Hội nhập – Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)/ Các hiệp định thương mại: <https://trungtamwto.vn/>

+ Quỹ Tiền tệ Quốc tế/ Thông tin về các tổ chức khu vực và quốc tế: <https://www.imf.org/external/np/sec/decco/contents.htm>

+ Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO)/ Các tiêu chuẩn chất lượng toàn cầu: <https://www.iso.org/home.html>

+ Cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá: <https://bom.so/qrn9pw>

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS truy cập các trang web để tìm kiếm thông tin và hệ thống hoá những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá theo định hướng của giáo viên.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số nhóm báo cáo kết quả đã tìm kiếm được.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, tuyên dương các nhóm làm việc nghiêm túc và hiệu quả

## 2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển (25 phút)

### a. Mục tiêu

- Trình bày được cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

### b. Nội dung

- HS dựa vào kiến thức đã học và các tư liệu đã sưu tầm để trình bày:

+ Toàn cầu hoá: cơ hội, thách thức đối với các nước đang phát triển

+ Khu vực hoá: cơ hội, thách thức đối với các nước đang phát triển

c. *Sản phẩm:* Nội dung trên giấy A0 của các nhóm về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

### d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm như sau:

+ Nhóm 1,3: Trình bày cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá đối với các nước đang phát triển:

TOÀN CẦU HOÁ	
Cơ hội	
Thách thức	

+ Nhóm 2,4: Trình bày cơ hội và thách thức của khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

KHU VỰC HOÁ	
Cơ hội	
Thách thức	

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận trao đổi theo nhóm, hoàn thành các nhiệm vụ học tập trong thời gian 5 phút.

- **Báo cáo, thảo luận:** Hết thời gian, GV cho các nhóm trao đổi sản phẩm nhóm trong từng cụm:  
 + Cụm 1: Nhóm 1 và nhóm 3 trao đổi sản phẩm để bổ sung và chầm chéo cho nhau.  
 + Cụm 2: Nhóm 2 và nhóm 4 trao đổi sản phẩm để bổ sung và chầm chéo cho nhau.

Trong 2 phút các nhóm sẽ bổ sung và sửa lỗi cho nhau. Sau đó GV chọn sản phẩm tốt nhất của 1 nhóm, đại diện nhóm lên trình bày, cho các nhóm khác nhận xét và bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của học sinh.

+ GV tổng hợp kiến thức và cung cấp thêm một số thông tin mở rộng.

### 3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP ( 10 PHÚT)

a. Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng tổng hợp thông tin, viết báo cáo ngắn.

b. Nội dung

HS dựa vào các kiến thức đã tìm hiểu được để viết một bài báo cáo ngắn về những cơ hội, thách thức của toàn cầu hoá và khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

c. Sản phẩm

- Bài báo cáo của học sinh ở trong vở

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu học sinh dựa vào kiến thức đã học cùng với những tư liệu đã tìm kiếm và hệ thống hoá để viết một bài báo cáo hoàn chỉnh về những cơ hội, thách thức của toàn cầu hoá và khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ.

- **Báo cáo, thảo luận:** Gọi một số học sinh đứng dậy đọc bài báo cáo, các HS khác nhận xét bổ sung

- **Kết luận, nhận định:** GV đưa ra một số nhận xét và thu bài của HS về chấm điểm.

### 4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (2 PHÚT)

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập ở nhà theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời cho yêu cầu được đưa ra ở mục tổ chức thực hiện.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS về nhà viết 1 bài báo cáo ngắn về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế đối với Việt Nam

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà tìm hiểu và viết báo cáo.

## IV. PHỤ LỤC

### 1. Thông tin tham khảo

a. Cơ hội của toàn cầu hoá và khu vực hoá đối với các nước đang phát triển:

– Toàn cầu hoá và khu vực hoá kinh tế sẽ thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các lực lượng sản xuất, đem lại sự tăng trưởng cao cho nền kinh tế thế giới.

- Mở rộng và phát triển thị trường toàn cầu
  - Thúc đẩy chuyên gia khoa học – công nghệ, kiến thức quản lí kinh doanh, kinh nghiệm marketing trên quy mô toàn cầu.
  - Thúc đẩy sự cải cách sâu rộng các nền kinh tế quốc gia cũng như gia tăng tiến trình hội nhập khu vực quốc tế để các chủ thể này có thể nâng cao vị thế thương lượng cạnh tranh và phát triển trong nền kinh tế thế giới.
  - Tạo ra áp lực từ bên ngoài có tác động làm thay đổi tư duy và phương thức quản lí, điều hành của chính phủ đối với các quá trình phát triển.
  - Mang lại lợi ích nhiều mặt cho các tầng lớp dân cư.
- b. Thách thức của toàn cầu hoá và khu vực hoá kinh tế đối với các nước đang phát triển:
- Sản xuất kinh doanh bên trong mỗi nước luôn chịu sức ép của các dòng hàng hoá – dịch vụ, công nghệ nhập khẩu và những biến động của khu vực và toàn cầu.
  - Thúc đẩy cạnh tranh quốc tế làm cho các ngành nghề và doanh nghiệp thiếu khả năng cạnh tranh ở bất kì quốc gia nào cũng bị đào thải.
  - Làm tăng thêm sự bất công xã hội, đào sâu hố ngăn cách giàu nghèo trong từng nước và giữa các nước.



Ngày soạn: 15/09/2024

PPCT: 6,7

## **Bài 4: MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC, AN NINH TOÀN CẦU**

(Số tiết: 2 tiết)

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức**

- Trình bày được một số tổ chức quốc tế và khu vực: Liên hợp quốc, Quỹ tiền tệ quốc tế, Tổ chức thương mại thế giới, Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương.
- Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay.
- Khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.

#### **2. Về năng lực:**

##### **a. Năng lực chung**

- Tự học tự chủ: Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao. Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.
- Giao tiếp hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá các vấn đề. Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.

##### **b. Năng lực địa lí**

- Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ Địa lí học (tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các văn bản tài liệu phù hợp với nội dung, chủ đề nghiên cứu; sử dụng được tranh, ảnh địa lí để hiểu được: một số tổ chức khu vực và quốc tế, một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay; xây dựng được bảng so sánh các tổ chức quốc tế và khu vực theo các tiêu chí khác nhau); khai thác internet phục vụ môn học.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế (tìm kiếm thông tin để cập nhật về các tổ chức khu vực và quốc tế và các vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay).

#### **3. Phẩm chất**

- Hiểu được sự cần thiết và ý nghĩa của việc bảo vệ hoà bình trên thế giới.
- Biết được vị thế của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế và khu vực để từ đó thêm tự hào và thêm yêu quê hương đất nước.

### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Khổ giấy lớn, bút lông, nam châm gắn bảng, phiếu học tập, một số hình ảnh về các tổ chức quốc tế và khu vực, một số vấn đề mang tính toàn cầu...

#### **2. Học liệu**

- Sách giáo khoa, tập ghi chép.
- Giấy note

### **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

#### **1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (TÌNH HUỐNG XUẤT PHÁT) - 3 PHÚT**

##### **a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho bài học, dẫn dắt kiến thức vào bài mới.

##### **b. Nội dung:**

- Học sinh tham gia trò chơi khởi động do giáo viên tổ chức.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu cờ (biểu tượng) của một số tổ chức quốc tế và khu vực, yêu cầu học sinh nối đúng với tên của tổ chức đó:



APEC - Diễn  
đàn hợp tác  
kinh tế châu  
Á - TBD

UN- Liên  
hợp quốc

WTO – Tổ chức  
thương mại thế  
giới

OPEC – Tổ chức  
các nước xuất  
khẩu dầu lửa

IMF - Quỹ Tiền  
tệ Quốc tế

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS nối đúng cờ với tên của tổ chức. GV hỗ trợ khó khăn (nếu có)

- **Báo cáo, thảo luận:** GV nhận xét kết quả làm thực hiện nhiệm vụ của HS.

- **Kết luận:** GV giới thiệu sơ qua về các tổ chức quốc tế và khu vực sau đó dẫn dắt vào bài: *Để đảm bảo một nền hòa bình trên thế giới và nhằm điều tiết, giám sát, thúc đẩy hoạt động kinh tế toàn cầu và khu vực, các nước đã hình thành các tổ chức kinh tế và khu vực. Vậy các tổ chức này có vai trò như thế nào? Các vấn đề an ninh toàn cầu mà thế giới phải đối mặt hiện nay là gì?*

## 2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

### 2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu một số tổ chức quốc tế và khu vực (15 phút)

a. Mục tiêu

- Trình bày được một số tổ chức quốc tế và khu vực: Liên hợp quốc, Quỹ tiền tệ quốc tế, Tổ chức thương mại thế giới, Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương.

- Lập được bảng tổng hợp về các tổ chức quốc tế theo tiêu chí tổng hợp

b. Nội dung

HS sử dụng SGK và hiểu biết của bản thân để hoàn thành bảng sau:

Tên tổ chức	UN	WTO	IMF	APEC
Năm thành lập				
Số thành viên				
Năm VN gia nhập				
Tôn chỉ hoạt động				
Mục tiêu hoạt động				

c. Sản phẩm

Sản phẩm của học sinh trên giấy A0

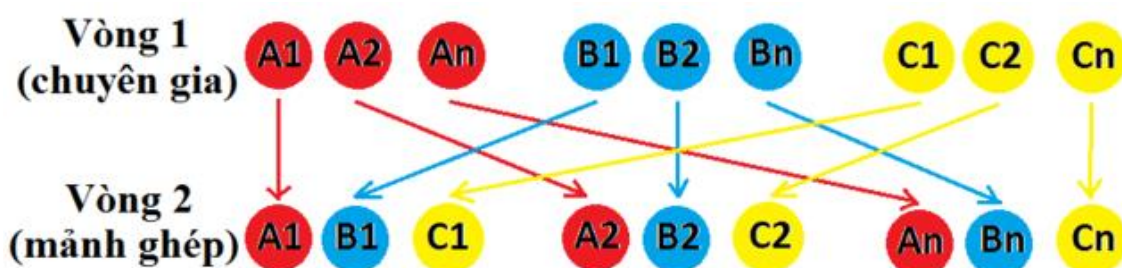
d. Tổ chức thực hiện

• **VÒNG CHUYÊN GIA**

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm chuyên gia nhận nhiệm vụ như sau:
  - + Nhóm 1: Trình bày về tổ chức Liên hợp quốc
  - + Nhóm 2: Trình bày về tổ chức Thương mại Thế giới
  - + Nhóm 3: Trình bày về Quỹ Tiền tệ Quốc tế
  - + Nhóm 4: Trình bày về Diễn đàn hợp tác châu Á – Thái Bình Dương
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu thảo luận hoàn thành trong vòng 4 phút

• **VÒNG MẢNH GHEP**

Ở mỗi nhóm, thành viên các nhóm tự đánh số cho cá nhân từ 1 đến 9, nếu dư ra lại xoay vòng về số 1. Sau khi các nhóm hoàn thành đánh số, học sinh sẽ di chuyển, các cá nhân số 1 cùng về vị trí nhóm 1, các cá nhân số 2 cùng về vị trí nhóm 2, các cá nhân số 3 cùng về vị trí nhóm 3, các cá nhân số 4 cùng về vị trí nhóm 4 để hình thành 4 nhóm mảnh ghép mới.



- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho cả 4 nhóm như sau: Trình bày về các tổ chức quốc tế và khu vực theo mẫu sau trong thời gian 5 phút:

Tên tổ chức	UN	WTO	IMF	APEC
Năm thành lập				
Số thành viên				
Năm VN gia nhập				
Tôn chỉ hoạt động				
Mục tiêu hoạt động				

Hết thời gian nhóm 1 đưa sản phẩm cho nhóm 2, nhóm 2 đưa sản phẩm cho nhóm 3, nhóm 3 đưa sản phẩm cho nhóm 4 và nhóm 4 đưa sản phẩm cho nhóm 1. Trong thời gian 2 phút, các nhóm bắt đầu chấm và sửa lỗi cho nhau bằng bút màu đỏ. GV quan sát và hỗ trợ học sinh khi gặp khó khăn.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV nhìn tổng thể sản phẩm của 4 nhóm, chọn ra sản phẩm ưng ý nhất và gọi 1 nhóm bất kỳ đứng dậy báo cáo sản phẩm, các nhóm khác bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:**

- + GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh.
- + GV chốt nội dung và mở rộng một số thông tin liên quan

**2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu khái niệm an ninh toàn cầu (3 phút)**

a. Mục tiêu

- Hiểu được khái niệm an ninh toàn cầu, phân loại an ninh toàn cầu.

b. Nội dung

- HS dựa vào kiến thức SGK và hiểu biết của bản thân để nêu khái niệm an ninh toàn cầu và cách phân loại

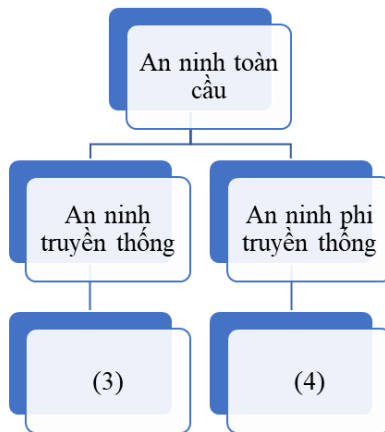
c. Sản phẩm: Sản phẩm của học sinh trên phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu học sinh đọc SGK và hiểu biết của bản thân để hoàn thành phiếu học tập sau:

+ Khái niệm: An ninh toàn cầu chính là trạng thái .....(1)..... của toàn thế giới. Nhân tố quan trọng để bảo đảm an ninh toàn cầu chính là .....(2)... ..... con người.

+ Phân loại:



Đáp án:

1. bình yên, ổn định và hoà bình

2. đảm bảo an ninh

3. an ninh chính trị và quân sự như khủng bố, xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ,...

4. an ninh kinh tế, lương thực, năng lượng, nguồn nước,...

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS dựa vào SGK và hiểu biết của bản thân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập trong thời gian 1 phút.

- **Báo cáo, thảo luận:** Hết thời gian, GV gọi bất kỳ HS nào lên để trình bày kết quả, các học sinh khác bổ sung

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của học sinh.

+ GV tổng hợp kiến thức và cung cấp thêm một số thông tin mở rộng.

**2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu số vấn đề an ninh toàn cầu (20 phút)**

a. Mục tiêu

- Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay.

b. Nội dung

- HS dựa vào kiến thức đã học và các tư liệu đã sưu tầm để trình bày một số vấn đề an ninh toàn cầu

c. Sản phẩm: Nội dung trên giấy A0 của các nhóm về một số vấn đề mang tính toàn cầu

d. Tổ chức thực hiện

a. Mục tiêu

- Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay.

b. Nội dung

- HS dựa vào kiến thức đã học và các tư liệu đã sưu tầm để trình bày một số vấn đề an ninh toàn cầu

c. Sản phẩm: Nội dung trên giấy A0 của các nhóm về một số vấn đề mang tính toàn cầu

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm (có thể chia thành 2 cụm, mỗi cụm 4 nhóm tùy theo sĩ số lớp) nhận nhiệm vụ như sau trong thời gian 5 phút:

+ Nhóm 1: Tìm hiểu về an ninh lương thực theo bảng tiêu chí sau:

Vấn đề	Khái niệm	Biểu hiện	Giải pháp
An ninh lương thực			

+ Nhóm 2: Tìm hiểu về an ninh năng lượng

Vấn đề	Khái niệm	Biểu hiện	Giải pháp
An ninh năng lượng			

+ Nhóm 3: Tìm hiểu về an ninh nguồn nước

Vấn đề	Khái niệm	Biểu hiện	Giải pháp
An ninh nguồn nước			

+ Nhóm 4: Tìm hiểu về an ninh mạng

Vấn đề	Khái niệm	Biểu hiện	Giải pháp
An ninh mạng			

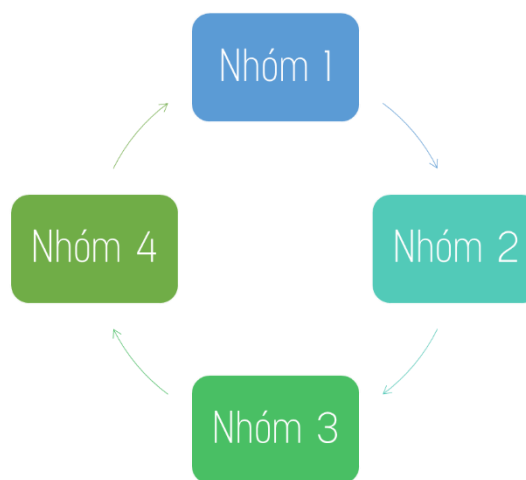
Các nhóm thảo luận và ghi kết quả làm việc vào giấy A0 trong thời gian 5 phút. Sau đó, các nhóm bắt đầu trao đổi sản phẩm học tập theo kỹ thuật lấu băng chuyên: nhóm 1 đưa sản phẩm cho nhóm 2, nhóm 2 đưa sản phẩm cho nhóm 3, nhóm 3 đưa sản phẩm cho nhóm 4 và nhóm 4 đưa sản phẩm cho nhóm 1.

Các nhóm đọc và góp ý kiến bổ sung cho nhóm bạn. Sau đó tiếp tục luân chuyển kết quả cho nhóm tiếp theo sơ đồ và nhận tiếp kết quả từ nhóm khác để góp ý. Cứ như vậy cho đến khi các nhóm đã nhận được tờ A0 của nhóm mình với các ý kiến góp ý của tất cả các nhóm khác. Từng nhóm sẽ xem và xử lý các ý kiến của nhóm bạn để hoàn thiện kết quả thảo luận của nhóm.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi lần lượt các nhóm lên báo cáo kết quả học tập, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh.



+ GV chốt nội dung

## 2.4. Hoạt động 4: Tìm hiểu về sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình trên thế giới (5 phút)

### a. Mục tiêu

- Khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.

### b. Nội dung

- Đọc thông tin SGK và hiểu biết của bản thân để giải thích vì sao cần phải bảo vệ hoà bình thế giới? Các biện pháp bảo vệ hoà bình thế giới là gì?

### c. Sản phẩm

Sản phẩm của học sinh trên giấy A0

### d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm giải thích vì sao cần phải bảo vệ hoà bình thế giới? Các biện pháp bảo vệ hoà bình thế giới là gì? theo kĩ thuật khăn trải bàn.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các thành viên trong nhóm sẽ ghi các biện pháp của cá nhân lên xung quanh phiếu học tập trong vòng 1 phút. Sau đó cả nhóm thảo luận để thống nhất ý kiến chung trong vòng 1 phút nữa.

- **Báo cáo, thảo luận:** Hết thời gian, GV gọi học sinh bất kì lên bảng trình bày các thông tin đã ghi lại được. Một số học sinh khác nhận xét và bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức và mở rộng thông tin



## 3. HOẠT ĐỘNG 3 - LUYỆN TẬP ( 5 PHÚT)

### a. Mục tiêu

- Củng cố kiến thức về các tổ chức khu vực, quốc tế và các vấn đề an ninh toàn cầu.

### b. Nội dung

- GV tổ chức trò chơi ngắn, HS tham gia trò chơi để củng cố bài học.

- Trò chơi: vòng quay may mắn

### c. Sản phẩm

- Kết quả câu trả lời của học sinh

### d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV phổ biến luật chơi: có 4 con số chứa 4 câu hỏi, HS lựa chọn con số bất kỳ để trả lời câu hỏi. Nếu trả lời đúng, HS được quay vòng quay may mắn, nếu trả lời sai, các HS khác có quyền trả lời. Nội dung câu hỏi như sau:

**Câu 1:** Liên hợp quốc được thành lập vào năm nào?

A. 1945

B. 1976

C. 1944

D. 2005

**Câu 2:** Phát biểu nào sau đây đúng với mục tiêu hoạt động của quỹ Tiền tệ Quốc tế là

A. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

B. Thúc đẩy tăng trưởng thương mại.

C. Thúc đẩy hợp tác tiền tệ quốc tế.

D. Nâng cao mức sống, tạo việc làm.





**Câu 3:** Thiết lập và duy trì một nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch là tôn chỉ hoạt động của

A. Liên hợp quốc.

B. Quỹ Tiền tệ Quốc tế.

C. Tổ chức thương mại thế giới.

D. Diễn đàn hợp tác châu Á – TBD

**Câu 4:** Biện pháp nào sau đây không phải thực hiện để giải quyết vấn đề năng lượng?

A. Phát triển năng lượng tái tạo.

B. Tìm kiếm nguồn năng lượng mới.

C. Tăng cường vai trò của các tổ chức quốc tế.

D. Cung cấp lương thực và cứu trợ nhân đạo.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** GV chiếu các con số cho học sinh lựa chọn, HS chọn các con số và trả lời câu hỏi.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời sai thì HS khác sẽ ra tín hiệu xin trả lời.

- **Kết luận, nhận định:** GV tổng kết, đánh giá và cho điểm.

#### 4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (2 PHÚT)

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập ở nhà theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời cho yêu cầu được đưa ra ở mục tổ chức thực hiện.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS về nhà tham khảo các trang web để tìm hiểu thông tin về tổ chức mà mình quan tâm và viết thành báo cáo.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà tìm hiểu và viết báo cáo.

### IV. PHỤ LỤC

#### 1. Nội dung ghi bài

+ Một số tổ chức quốc tế và khu vực:

Tên tổ chức	Năm thành lập	Số thành viên	Năm VN gia nhập	Tôn chỉ hoạt động	Mục tiêu hoạt động
UN	1945	193	1977	Bảo đảm một nền hòa bình và trật tự thế giới bền vững	Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế; thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia; thực hiện hợp tác quốc tế thông qua giải quyết các vấn đề quốc tế,...
WTO	1995	164	2007	Thiết lập và duy trì một nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch	Thúc đẩy tăng trưởng thương mại hàng hoá và dịch vụ trên thế giới; thúc đẩy sự phát triển các thể chế thị trường; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thương mại giữa các nước thành viên trong khuôn khổ của hệ thống thương mại đa phương; nâng cao mức

					sống, tạo việc làm cho người dân các nước thành viên,...
<b>IMF</b>	1944	190	1976	Thúc đẩy hợp tác tiền tệ toàn cầu, bảo đảm sự ổn định tài chính	Thúc đẩy sự hợp tác tiền tệ quốc tế; bảo đảm sự ổn định của hệ thống tiền tệ quốc tế
<b>APEC</b>	1989	21	1998	Thúc đẩy tự do thương mại, đầu tư và mở cửa trong khu vực châu Á - TBD	Giữ vững sự tăng trưởng và phát triển trong khu vực; Tăng cường hệ thống đa phương mở; phát huy những tác động tích cực của sự phụ thuộc kinh tế lẫn nhau,...

+ Một số vấn đề an ninh toàn cầu:

<b>Vấn đề</b>	<b>Khái niệm</b>	<b>Nguyên nhân</b>	<b>Giải pháp</b>
An ninh lương thực	Là việc đảm bảo mọi người có quyền tiếp cận các nguồn năng lượng một cách đầy đủ, an toàn để duy trì cuộc sống khỏe mạnh	Xung đột vũ trang, chiến tranh, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh,.. Làm gián đoạn nguồn sản xuất và cung ứng lương thực, thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp lương thực và cứu trợ nhân đạo cho các khu vực mất an ninh lương thực nghiêm trọng</li> <li>- Đẩy mạnh sản xuất lương thực bằng nhiều cách</li> <li>- Nâng cao vai trò của các tổ chức quốc tế để giải quyết vấn đề an ninh lương thực toàn cầu.</li> </ul>
An ninh năng lượng	Là sự đảm bảo đầy đủ năng lượng, dưới nhiều hình thức khác nhau để phục vụ cho nhu cầu của con người và cho hoạt động kinh tế - xã hội	Những thay đổi trong thị trường dầu mỏ và các năng lượng khác, cùng sự xuất hiện nhiều nguy cơ như xung đột vũ trang, biến đổi khí hậu... đã khiến an ninh năng lượng không được đảm bảo.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng và phát triển năng lượng tái tạo.</li> <li>- Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên và tìm kiếm nguồn năng lượng mới.</li> <li>- Tăng cường vai trò của các tổ chức quốc tế trong việc đàm phán, hợp tác, phân phối năng lượng.</li> <li>- Các quốc gia phối hợp với nhau để giải quyết các vấn đề năng lượng.</li> </ul>
An ninh nguồn nước	Là việc đảm bảo số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh trong	Việc sử dụng nước còn kém hiệu quả, lãng phí, ô nhiễm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quốc gia cần thường xuyên phối hợp, nghiên cứu thảo luận các</li> </ul>

	mọi tình huống; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các hoạt động kinh tế, đảm bảo cho mọi người dân được tiếp cận, sử dụng nước công bằng, hợp lí.	môi trường, biến đổi khí hậu...	giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước  - Mỗi nước cũng cần chủ động vệ sinh nguồn nước, tránh tình trạng ô nhiễm nước, phát triển hệ thống thủy lợi và nâng cao hệ thống xử lý nước thải  - Các nước có chung nguồn tài nguyên nước cần chia sẻ, hợp tác và phối hợp kiểm soát nguồn nước.
An ninh mạng	Là sự đảm bảo hoạt động trên không gian mạng không gây hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân	Các hiện tượng mất an ninh mạng như phát tán thông tin sai, vi-rút, lộ dữ liệu cá nhân,... diễn biến nhanh, ngày càng phức tạp và có tác động đến mọi mặt đời sống, kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng của mỗi quốc gia và toàn thế giới.	- Nhiều quốc gia, tổ chức, liên minh quốc tế ban hành chiến lược an ninh mạng, các đạo luật về an ninh mạng.  - Thành lập các lực lượng chuyên trách về an ninh mạng, chiến tranh mạng, phòng chống khủng bố mạng...  - Các quốc gia, các cơ quan, tổ chức quốc tế, các hãng công nghệ cần hợp tác chặt chẽ trong phòng, chống tấn công mạng và tội phạm mạng; cùng chung tay xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh.

+ Sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình thế giới

<p>- Phải bảo vệ hoà bình vì:</p> <p>+ Hoà bình là khát vọng của mỗi quốc gia và toàn nhân loại</p> <p>+ Bảo vệ hoà bình giúp các nước chung tay giải quyết các vấn đề an ninh toàn cầu.</p> <p>+ Bảo vệ hoà bình cũng là bảo vệ cho đất nước ngày càng thịnh vượng.</p> <p>- Biện pháp bảo vệ hoà bình:</p> <p>+ Mỗi quốc gia có trách nhiệm duy trì và bảo vệ hoà bình tại quốc gia, khu vực và trên thế giới.</p> <p>+ Tăng cường đối thoại và hợp tác để giải quyết mâu thuẫn và xung đột giữa các nước.</p> <p>+ Tăng cường vai trò của các tổ chức quốc tế trong việc thúc đẩy và gìn giữ hòa bình trên thế giới</p>
--

## 2. Một số tư liệu tham khảo

+ Video về một số vấn đề an ninh toàn cầu: <https://s.net.vn/ZPfW>

+ Một số hình ảnh:



## Bài 5

# THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ ĐẶC ĐIỂM VÀ BIỂU HIỆN CỦA NỀN KINH TẾ TRI THỨC

(...1.. tiết)

## I. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức

Thu thập tư liệu, viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

### 2. Năng lực

#### \* Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao. Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.
- Giao tiếp hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá các vấn đề. Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, tìm logic trong giải quyết vấn đề, đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề liên quan đến nền kinh tế tri thức.

#### \* Năng lực chuyên biệt:

- Sử dụng các công cụ Địa lí học: Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các văn bản tài liệu phù hợp với nội dung, chủ đề nghiên cứu; sử dụng được tranh, ảnh địa lí để hiểu được đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.
- Khai thác internet phục vụ môn học: Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống được các thông tin từ các trang web liên quan đến kinh tế tri thức.
- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm thông tin cập nhật về sự phát triển của kinh tế tri thức và liên hệ với Việt Nam

### 3. Phẩm chất

Biết được quá trình hình thành nền kinh tế tri thức và các yếu tố ảnh hưởng đến nền kinh tế tri thức để từ đó có thêm sự chuẩn bị cho việc phát triển nền kinh tế tri thức ở Việt Nam trong tương lai.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên

- Các tài liệu có liên quan.
- Phiếu đánh giá sản phẩm nhóm.
- Đường link một số trang web để HS tìm dữ liệu:
  - + [https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh\\_t%E1%BA%BF\\_tri\\_th%E1%BB%A9c](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_t%E1%BA%BF_tri_th%E1%BB%A9c)
  - + <https://vjol.info.vn/index.php/khxhvn/article/view/23936,...>
  - + <https://www.youtube.com/watch?v=NJ28mYJLJ14>
  - + <https://www.youtube.com/watch?v=DMc6GUKw0I0>
  - + <https://aistudios.com/dashboard>

## 2. Học sinh

- Giấy note để làm việc cá nhân;
- Bút màu để làm việc nhóm;
- Dụng cụ truy cập Internet tìm hiểu về nền kinh tế tri thức

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### Hoạt động 1: Khởi động/Mở đầu

#### a) Mục tiêu:

- Tạo tình huống học tập, kết nối kiến thức HS đã có về nền kinh tế tri thức.
- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

#### b) Nội dung: HS tham gia trò chơi “ Giải mã bí ẩn”

#### c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

#### d) Tổ chức thực hiện:

#### - Chuyển giao nhiệm vụ:

GV nêu thể lệ trò chơi “ Giải mã bí ẩn”

+ Có 5 chuỗi kí hiệu .

+ HS dựa vào bảng ngôn ngữ dấu hiệu để giải và tìm đáp án.

+ Thời gian 10s/câu hỏi

Bí ẩn 1. GIÁO DỤC

Bí ẩn 2. STEM

Bí ẩn 3. CÁCH MẠNG 4.0

Bí ẩn 4. SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Bí ẩn 5. CÔNG NGHỆ CAO

Bí ẩn 6. DỊCH VỤ

#### Thực hiện nhiệm vụ:

- + HS nhận nhiệm vụ
- + HS tham gia trò chơi

#### - Báo cáo, thảo luận:

- + GV gọi ngẫu nhiên HS
- + HS trả lời nhanh

#### - Kết luận, nhận định:

GV nhận xét câu trả lời và chốt ý đồng thời dẫn dắt vào bài, giới thiệu nội dung bài học

### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Tìm hiểu về nền kinh tế tri thức

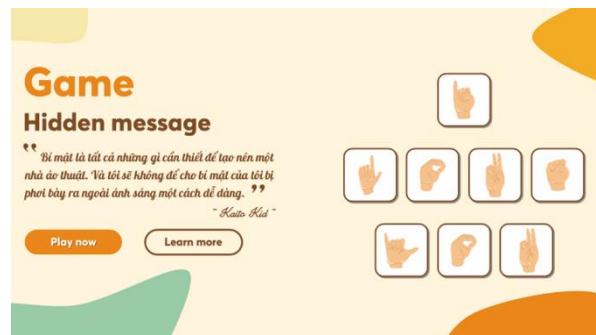
#### a) Mục tiêu:

Thu thập tư liệu, tạo được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

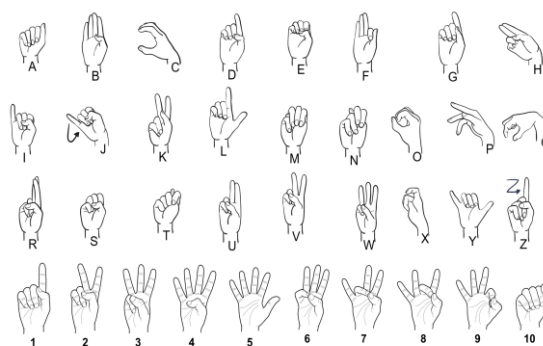
#### b) Nội dung:

HS thu thập tư liệu, tạo được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức bằng video AI.

#### c) Sản phẩm: video AI báo cáo của các nhóm.



#### Ngôn ngữ kí hiệu





d) *Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Bước 1:** GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm nghiên cứu và tạo video sử dụng công nghệ AI bài báo cáo về nền kinh tế tri thức theo gợi ý sau:

1. Khái niệm

2. Đặc điểm

Nêu những đặc điểm của nền kinh tế tri thức.

3. Biểu hiện

- Nêu các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

- Cho ví dụ về các sản phẩm ứng dụng của nền kinh tế tri thức.

**Bước 2:** GV hướng dẫn học sinh tạo video AI báo cáo với cấu trúc rõ ràng và logic:

+ *Chuẩn bị nội dung báo cáo*

- Xác định nội dung báo cáo về nền kinh tế tri thức, bao gồm khái niệm, đặc điểm và các biểu hiện.
- Viết các đoạn văn bản để trình bày thông tin một cách rõ ràng.

+ *Chọn công cụ tạo video AI*

- Tìm và chọn một công cụ tạo video AI hoặc phần mềm chỉnh sửa video có tính năng hợp thành giọng nói tổng hợp (Text-to-Speech).

+ *Chọn giọng nói và cài đặt*

- Chọn giọng nói phù hợp với nội dung và phong cách của báo cáo.
- Cài đặt tốc độ, ngữ điệu và cảm xúc của giọng nói để phù hợp với bản thân của báo cáo.

+ *Nhập nội dung và chỉnh sửa*

- Sao chép và dán các đoạn văn bản báo cáo vào công cụ tạo video AI.
- Chỉnh sửa và định dạng văn bản để tạo sự trôi chảy và dễ đọc cho giọng nói tổng hợp.

+ *Thêm hình ảnh và video*

- Chọn hình ảnh và video liên quan đến nội dung báo cáo về nền kinh tế tri thức.
- Sắp xếp và chỉnh sửa hình ảnh và video để tạo câu chuyện hợp lý và trực quan.

+ *Thiết kế và tạo video*

- Thiết kế giao diện video bao gồm cách hiển thị văn bản, hình ảnh, video và các yếu tố khác.
- Tạo video bằng công cụ tạo video AI hoặc phần mềm chỉnh sửa video, sắp xếp các phần tử và tạo hiệu ứng chuyển động nếu cần thiết.

+ *Kiểm tra và chỉnh sửa*

- Xem trước và kiểm tra video để đảm bảo rằng nội dung và hình ảnh hiển thị đúng và phù hợp với báo cáo của bạn.
- Chỉnh sửa và điều chỉnh video nếu cần thiết để đạt được kết quả tốt nhất.

+ *Render và xuất video*

- Sau khi hoàn thành chỉnh sửa và kiểm tra, render video với định dạng và chất lượng mong muốn.
- Xuất video thành tệp hoặc định dạng phù hợp để chia sẻ.

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thực hiện nhiệm vụ như hướng dẫn, thu thập tư liệu về khái niệm, đặc điểm, biểu hiện của nền kinh tế tri thức từ internet, sách, báo, tạp chí...
- Hệ thống hoá các tư liệu. So sánh, xử lý tư liệu thu thập được.

- Chia sẻ và thống nhất các nội dung phù hợp.
- Tạo video AI bằng cách tham khảo các link sau:  
<https://www.youtube.com/watch?v=NJ28mYJLI4>;  
<https://www.youtube.com/watch?v=DMc6GUKw0I0>; <https://aistudios.com/dashboard>

**- Báo cáo, thảo luận:**

Các nhóm hoàn thành và nộp lại sản phẩm học tập cho GV.

**- Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*a) Mục tiêu:*

Củng cố kiến thức bằng việc trình chiếu sản phẩm video AI tìm hiểu về nền kinh tế tri thức.

*b) Nội dung:*

Video AI báo cáo tìm hiểu nền kinh tế tri thức.

*c) Sản phẩm:* Video AI của các nhóm.

*d) Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu các nhóm chuẩn bị sản phẩm.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ
- **Báo cáo, thảo luận:** GV trình chiếu 1 số sản phẩm.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét sản phẩm của HS và tổng kết bài học.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

*a) Mục tiêu:*

Liên hệ được kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

*b) Nội dung:*

HS dựa vào kiến thức đã học, tìm hiểu những đặc điểm và biểu hiện của nền kinh tế tri thức trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

*c) Sản phẩm:* nội dung ghi chép của HS

*d) Tổ chức thực hiện:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà.
- HS tìm hiểu và chuẩn bị bài làm của mình.
- GV gọi đại diện HS lên trình bày, các HS khác nhận xét bổ sung.
- GV đánh giá, nhận xét sản phẩm của HS.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**V. PHỤ LỤC**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

Tiêu chí	Chấm điểm	Điểm tuyệt đối	Điểm chấm
Nội dung	Cấu trúc đầy đủ, rõ ràng, logic và mạch lạc của video và sự liên kết mượt mà giữa các phần.	2	
	Nội dung phong phú, chính xác	2	
Hình thức	Đồ họa và thiết kế: sáng tạo, sử dụng đồ họa, hình ảnh và màu sắc hợp lý, tạo nên một trải nghiệm hình ảnh hấp dẫn và trực quan.		
	trải nghiệm hình ảnh hấp dẫn và trực quan.	2	
	Có tính thẩm mỹ, sáng tạo	1	
	Hấp dẫn và lôi cuốn	2	
	Thời lượng( 2 phút ) và tốc độ phù hợp	1	
Tổng hợp		10	

## VI. THÔNG TIN THAM KHẢO

*Kinh tế tri thức* là nền kinh tế dựa trực tiếp vào việc sản xuất, phân phối và sử dụng tri thức, thông tin. Trong nền kinh tế tri thức, việc sản xuất, phân phối và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế, xã hội; tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống, Kinh tế tri thức là nền kinh tế được phát triển chủ yếu dựa vào tri thức và công nghệ hiện đại. Cơ sở của nền kinh tế tri thức là tri thức (thể hiện trong con người và trong công nghệ).

*Biểu hiện nền kinh tế tri thức:*

*Một biểu hiện của nền kinh tế tri thức là sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng gia tăng nhanh các ngành có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức: đó là các ngành công nghiệp thông tin, công nghiệp công nghệ cao, các ngành dịch vụ dựa vào xử lý thông tin, tài chính ngân hàng, giáo dục đào tạo, nghiên cứu phát triển công nghệ,...; mặt khác, do quá trình sản xuất hàng hoá trực tiếp được tự động hoá ở trình độ ngày càng cao, cho nên số người trực tiếp sản xuất ra sản phẩm trong các nhà máy giảm đi rất nhiều, trong khi đó số người làm việc ở văn phòng tăng lên (thực chất các văn phòng này là những trung tâm, đầu mối xử lý, phân tích thông tin và biến những thông tin đó thành yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh).*

*Hai là tốc độ đổi mới nhanh, sản xuất công nghệ trở thành ngành sản xuất đặc biệt quan trọng. Trong nền kinh tế tri thức, tốc độ hao mòn vô hình tăng lên theo xu hướng ngày càng nhanh, cái có giá trị nhất là cái chưa biết, cái đã biết, đã được sử dụng thì mất dần giá trị. Tìm ra cái chưa biết tức là tạo ra cái mới và cũng có nghĩa là cái cũ bị thay thế. Vòng đời công nghệ, sản phẩm từ lúc mới nảy sinh, phát triển, chín muồi đến tiêu vong ngày càng rút ngắn.*

*Ba là đặc tính, cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực trong nền kinh tế tri thức thay đổi căn bản. Để phát triển kinh tế tri thức, phải có lực lượng lao động được đào tạo tốt, có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết cho ngành mình làm việc, không ngừng nâng cao kiến thức và kỹ năng, thích nghi được với sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, dễ dàng chuyển sang những ngành nghề mới. Tăng năng suất lao động, hiệu quả kinh tế, tạo ra giá trị gia tăng mới của nền kinh tế chủ yếu là do đội ngũ nhân lực này. Lực lượng công nhân tri thức tăng nhanh, đó là những người làm việc bằng trí óc để trực tiếp làm ra sản phẩm, như những lập trình viên, những nhà thiết kế công nghệ, thiết kế sản phẩm trên máy tính, những người điều khiển máy móc đòi hỏi có trình độ tri thức nhất định,... Trong các ngành công nghiệp dịch vụ dựa vào công nghệ cao, phần lớn những người lao động là công nhân tri thức. Hiện nay, có nhiều định nghĩa khác nhau về công nhân tri thức. Có nước coi những người làm công tác quản lý, những viên chức chính phủ cũng là công nhân tri thức. Trong môi trường của nền kinh tế tri thức, hệ thống giáo dục truyền thống buộc phải thay đổi, chuyển sang hệ thống học tập suốt đời.*

*(Nguồn: Chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước, 2006, Xu hướng phát triển nền kinh tế tri thức và tác động của nó đến sự phát triển và lựa chọn chiến lược công nghiệp hoá hiện đại hoá của Việt Nam, Đề tài KX.02.03)*